

ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ**VIỆT NAM - TÂY BAN NHA****BỘ NGOẠI GIAO**

Số: 01/2006/LPQT

Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2006

Hiệp định giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Tây Ban Nha về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập có hiệu lực từ ngày 22 tháng 12 năm 2005./.

TL. BỘ TRƯỞNG

KT. Vụ trưởng Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Phó Vụ trưởng

Nguyễn Thị Hoàng Anh

HIỆP ĐỊNH

GIỮA

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

VƯƠNG QUỐC TÂY BAN NHA

VỀ

TRÁNH ĐÁNH THUẾ HAI LẦN

VÀ NGĂN NGỪA VIỆC TRÓN LẬU THUẾ

ĐỐI VỚI

CÁC LOẠI THUẾ ĐÁNH VÀO

THU NHẬP

Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Tây Ban Nha,

Mong muốn ký kết một Hiệp định về việc tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập,

Đã thỏa thuận dưới đây:

Điều 1

PHẠM VI ÁP DỤNG

Hiệp định này được áp dụng cho các đối tượng là những đối tượng cư trú của một hoặc của cả hai Nước ký kết.

Điều 2

CÁC LOẠI THUẾ BAO GỒM TRONG HIỆP ĐỊNH

1. Hiệp định này áp dụng đối với các loại thuế do một Nước ký kết hoặc các cơ quan chính quyền cơ sở hay chính quyền địa phương của Nước đó đánh vào thu nhập, bất kể hình thức áp dụng của các loại thuế đó như thế nào.

2. Tất cả các loại thuế thu trên tổng thu nhập, hoặc những phần của thu nhập bao gồm các khoản thuế đối với lợi nhuận từ việc chuyển nhượng động sản hoặc bất động sản, các loại thuế đánh trên tổng số tiền lương hoặc tiền công do doanh nghiệp chi trả cũng như các loại thuế đánh vào giá trị tài sản tăng thêm đều được coi là thuế đánh vào thu nhập.

3. Những loại thuế hiện hành được áp dụng trong Hiệp định này cụ thể là:

(a) tại Việt Nam:

- (i) thuế thu nhập cá nhân; và
 - (ii) thuế thu nhập doanh nghiệp;
 - (iii) thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài;
- (dưới đây được gọi là "thuế Việt Nam");

(b) tại Tây Ban Nha:

- (i) thuế thu nhập cá nhân;
- (ii) thuế công ty;

- (iii) thuế thu nhập đối với các đối tượng không cư trú; và
 - (iv) các loại thuế địa phương thu trên thu nhập;
- (dưới đây được gọi là "thuế Tây Ban Nha").

4. Hiệp định này cũng sẽ được áp dụng cho các loại thuế có tính chất tương tự hay về căn bản giống như các loại thuế trên ban hành sau ngày ký Hiệp định này để bổ sung, hoặc thay thế các loại thuế hiện hành. Các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ thông báo cho nhau những thay đổi quan trọng trong các luật thuế của từng Nước.

Điều 3

CÁC ĐỊNH NGHĨA CHUNG

1. Theo nội dung của Hiệp định này, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi sự giải thích khác:

(a) từ "Việt Nam" có nghĩa là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; khi dùng theo nghĩa địa lý, thuật ngữ này có nghĩa là toàn bộ lãnh thổ quốc gia Việt Nam, kể cả lãnh hải Việt Nam và mọi vùng ở ngoài và đi liền với lãnh hải Việt Nam mà theo luật pháp Việt Nam và phù hợp với luật pháp quốc tế, Việt Nam có quyền chủ quyền đối với việc thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên của đáy biển và lòng đất dưới đáy biển và khối nước ở trên;

(b) từ "Tây Ban Nha" có nghĩa là Vương quốc Tây Ban Nha và khi dùng theo nghĩa địa lý, thuật ngữ này có nghĩa là toàn bộ vùng lãnh thổ của Vương quốc Tây Ban Nha, kể cả các vùng lãnh hải và các vùng biển ngoài lãnh hải, phù hợp với luật pháp quốc tế và việc áp dụng nội luật, Vương quốc Tây Ban Nha thực hiện hay trong tương lai có thể thực hiện quyền tài phán và quyền chủ quyền đối với đáy biển, lòng đất dưới đáy biển và khối nước ở trên và các nguồn tài nguyên thiên nhiên ở đó;

(c) thuật ngữ "một Nước ký kết" và "Nước ký kết kia" có nghĩa là Việt Nam hay Tây Ban Nha, tùy theo từng ngữ cảnh đòi hỏi;

(d) thuật ngữ "đối tượng" bao gồm cá nhân, công ty và bất kỳ tổ chức nhiều đối tượng nào khác;

(e) thuật ngữ "công ty" có nghĩa là các tổ chức công ty hoặc bất kỳ một thực thể nào được coi là tổ chức công ty dưới giác độ thuế;

(f) thuật ngữ "doanh nghiệp của một Nước ký kết" và "doanh nghiệp của Nước ký kết kia" theo thứ tự có nghĩa là một doanh nghiệp do đối tượng cư trú của một Nước ký kết và một doanh nghiệp do đối tượng cư trú của Nước ký kết kia điều hành;

(g) thuật ngữ "đối tượng mang quốc tịch" có nghĩa:

(i) bất kỳ một cá nhân nào mang quốc tịch của một Nước ký kết;

(ii) bất kỳ các pháp nhân, tổ chức hùn vốn hay hiệp hội nào có tư cách được chấp nhận theo các luật có hiệu lực tại một Nước ký kết;

(h) thuật ngữ "vận tải quốc tế" có nghĩa là bất cứ sự vận chuyển nào bằng tàu thủy hoặc máy bay do một doanh nghiệp của một Nước ký kết thực hiện, trừ trường hợp khi chiếc tàu thủy hoặc máy bay đó chỉ hoạt động giữa những địa điểm ở Nước ký kết kia; và

(i) thuật ngữ "nhà chức trách có thẩm quyền" có nghĩa:

(i) trong trường hợp đối với Việt Nam là Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc người đại diện được ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính; và

(ii) trong trường hợp đối với Tây Ban Nha là Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc người đại diện được ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

2. Trong khi một Nước ký kết áp dụng Hiệp định này vào bất kỳ thời điểm nào, mọi thuật ngữ chưa được định nghĩa trong Hiệp định này, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi sự giải thích khác, vào thời điểm đó sẽ có nghĩa theo như định nghĩa trong luật của Nước đó đối với các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng, bất kỳ nghĩa nào theo các luật thuế được áp dụng tại Nước đó sẽ có giá trị cao hơn nghĩa được giải thích cho thuật ngữ này theo các luật khác tại Nước đó.

Điều 4

ĐỐI TƯỢNG CƯ TRÚ

1. Theo nội dung của Hiệp định này, thuật ngữ "đối tượng cư trú của một Nước ký kết" có nghĩa là bất cứ đối tượng nào, mà theo các luật của Nước đó, là đối tượng chịu thuế căn cứ vào nhà ở, nơi cư trú, trụ sở điều hành, nơi thành lập hoặc bất kỳ tiêu thức nào khác có tính chất tương tự và cũng bao gồm cả Nước đó và bất cứ cơ quan chính quyền cơ sở hay chính quyền địa phương của Nước đó. Tuy nhiên, thuật ngữ này không bao gồm bất kỳ đối tượng nào là đối tượng chịu thuế tại Nước đó chỉ đối với thu nhập từ các nguồn tại Nước đó.

02197132
 www.ThuVienPhapLuat.com
 Tel: +84-8-3845 6684 *

2. Trường hợp theo những quy định tại khoản 1, khi một cá nhân là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, thì thân phận cư trú của cá nhân đó sẽ được xác định như sau:

(a) cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước mà tại đó cá nhân đó có nhà ở thường trú; nếu cá nhân đó có nhà ở thường trú ở cả hai Nước, cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước mà cá nhân đó có các quan hệ cá nhân và kinh tế chặt chẽ hơn (trung tâm của các quyền lợi chủ yếu);

(b) nếu như không thể xác định được Nước nơi cá nhân đó có trung tâm các quyền lợi chủ yếu, hoặc nếu cá nhân đó không có nhà ở thường trú ở cả hai Nước, thì cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước mà cá nhân đó thường sống;

(c) nếu cá nhân đó thường sống ở cả hai Nước hay không sống thường xuyên ở Nước nào, thì cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước mà cá nhân đó mang quốc tịch;

(d) nếu cá nhân đó mang quốc tịch của cả hai Nước hay không mang quốc tịch của Nước nào, các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ giải quyết vấn đề đó bằng thỏa thuận chung.

3. Trường hợp do những quy định tại khoản 1, khi một đối tượng không phải là cá nhân, là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, lúc đó đối tượng trên sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước ký kết nơi có trụ sở điều hành thực tế của đối tượng đó.

Điều 5

CƠ SỞ THƯỜNG TRÚ

1. Theo nội dung của Hiệp định này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" có nghĩa là một cơ sở kinh doanh cố định mà qua đó doanh nghiệp thực hiện toàn bộ hay một phần hoạt động kinh doanh của mình.

2. Thuật ngữ "cơ sở thường trú" chủ yếu bao gồm:

(a) trụ sở điều hành;

(b) chi nhánh;

(c) văn phòng;

(d) nhà máy;

(e) xưởng;

(f) mỏ, giếng dầu hoặc khí, mỏ đá hoặc bất kỳ địa điểm khai thác tài nguyên thiên nhiên; và

(g) cấu trúc lắp đặt hay thiết bị được sử dụng cho việc thăm dò tài nguyên thiên nhiên.

3. Thuật ngữ "cơ sở thường trú" cũng bao gồm:

(a) địa điểm xây dựng, công trình xây dựng, dự án lắp ráp hoặc lắp đặt hay các hoạt động giám sát liên quan đến các công trình, địa điểm trên, nhưng chỉ khi địa điểm, công trình hay các hoạt động đó kéo dài trong giai đoạn trên sáu tháng;

(b) việc cung cấp các dịch vụ, bao gồm cả dịch vụ tư vấn của một doanh nghiệp thông qua các nhân viên hay cá nhân khác được doanh nghiệp giao thực hiện các hoạt động trên, nhưng chỉ khi các hoạt động mang tính chất nêu trên kéo dài, trong cùng một dự án, tại một Nước trong một giai đoạn hay nhiều giai đoạn gộp lại hơn sáu tháng trong giai đoạn 12 tháng liên tục.

4. Mặc dù có những quy định trên của Điều này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" sẽ được coi là không bao gồm:

(a) việc sử dụng các phương tiện riêng chỉ cho mục đích lưu kho, trưng bày hay giao hàng hóa của doanh nghiệp;

(b) việc duy trì kho hàng hóa của doanh nghiệp chỉ với mục đích lưu kho, trưng bày hay giao hàng;

(c) việc duy trì kho hàng hóa của doanh nghiệp chỉ với mục đích để cho doanh nghiệp khác gia công;

(d) việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ với mục đích mua hàng hóa hay để thu thập thông tin cho doanh nghiệp;

(e) việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ với mục đích tiến hành bất kỳ hoạt động nào khác có tính chất chuẩn bị hoặc phụ trợ cho doanh nghiệp;

(f) việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ với mục đích kết hợp các hoạt động nêu tại các điểm từ (a) tới điểm (e), với điều kiện sự kết hợp toàn bộ hoạt động nêu trên của cơ sở kinh doanh cố định đó mang tính chất chuẩn bị hay phụ trợ.

5. Mặc dù có những quy định tại khoản 1 và 2, trường hợp một đối tượng - trừ đại lý có tư cách độc lập được điều chỉnh tại khoản 6 - hoạt động tại một Nước ký kết thay mặt cho một doanh nghiệp của Nước ký kết kia, doanh nghiệp đó sẽ được coi là có cơ sở thường trú tại Nước ký kết thứ nhất đối với mọi hoạt động mà đối tượng trên thực hiện cho doanh nghiệp, nếu đối tượng đó:

(a) có và thường xuyên thực hiện tại Nước đó thẩm quyền ký kết các hợp đồng đứng tên doanh nghiệp, trừ khi các hoạt động của đối tượng đó chỉ giới hạn trong phạm vi các hoạt động nêu tại khoản 4 mà những hoạt động đó nếu được thực hiện thông qua một cơ sở kinh doanh cố định thì sẽ không làm cho cơ sở kinh doanh cố định đó trở thành một cơ sở thường trú theo những quy định tại khoản đó; hay

(b) không có thẩm quyền nêu trên, nhưng thường xuyên duy trì tại Nước thứ nhất một kho hàng hóa, qua đó đối tượng này thường xuyên giao hàng hóa thay mặt cho doanh nghiệp, với điều kiện có một hoạt động khác liên quan tới việc bán hàng (như quảng cáo, xúc tiến hay các dịch vụ sau khi bán hàng) cũng được chính doanh nghiệp hay do bất kỳ đối tượng nào khác thực hiện tại Nước thứ nhất.

6. Một doanh nghiệp sẽ không được coi là có cơ sở thường trú tại Nước ký kết nếu doanh nghiệp chỉ thực hiện kinh doanh tại Nước đó thông qua một đại lý môi giới, một đại lý hoa hồng hoặc bất kỳ một đại lý nào khác có tư cách độc lập, với điều kiện những đối tượng này chỉ hoạt động trong khuôn khổ kinh doanh thông thường của họ. Tuy nhiên, khi các hoạt động của đại lý đó dành toàn bộ hay hầu như toàn bộ cho hoạt động đại diện cho doanh nghiệp đó, đại lý đó sẽ không được coi là đại lý có tư cách độc lập theo nghĩa của khoản này.

7. Việc một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát bởi một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia hoặc đang tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước kia (có thể thông qua một cơ sở thường trú hay dưới hình thức khác) sẽ không làm cho bất kỳ công ty nào trở thành cơ sở thường trú của công ty kia.

Điều 6

THU NHẬP TỪ BẤT ĐỘNG SẢN

1. Thu nhập mà một đối tượng cư trú tại một Nước ký kết thu được từ bất động sản (kể cả thu nhập từ nông nghiệp hoặc lâm nghiệp) đặt tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Thuật ngữ "bất động sản" sẽ có nghĩa theo như luật của Nước ký kết nơi có tài sản. Trong mọi trường hợp thuật ngữ sẽ bao gồm cả tài sản đi liền với bất động sản, đàn gia súc và thiết bị sử dụng trong nông nghiệp và lâm nghiệp, các quyền áp dụng theo các quy định tại luật chung về điện sản, quyền sử dụng bất động sản và các quyền được hưởng các khoản thanh toán thay đổi hay cố định trả cho việc khai thác hay quyền khai thác các mỏ, các nguồn khoáng sản và các tài nguyên thiên nhiên khác; các tàu thủy, thuyền và máy bay sẽ không được coi là bất động sản.

3. Những quy định tại khoản 1 sẽ áp dụng đối với thu nhập phát sinh từ việc trực tiếp sử dụng, cho thuê hay sử dụng bất động sản dưới bất kỳ hình thức nào khác.

4. Những quy định tại khoản 1 và 3 cũng sẽ áp dụng cho thu nhập từ bất động sản của một doanh nghiệp và đối với thu nhập từ bất động sản được sử dụng để thực hiện các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập.

Điều 7

LỢI TỨC KINH DOANH

1. Lợi tức của một doanh nghiệp của một Nước ký kết sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó, trừ trường hợp doanh nghiệp có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia. Nếu doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh theo cách trên, thì các khoản lợi tức của doanh nghiệp có thể bị đánh thuế tại Nước kia, nhưng chỉ trên phần lợi tức phân bổ cho cơ sở thường trú đó.

2. Thê theo các quy định tại khoản 3, khi một doanh nghiệp của một Nước ký kết tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia, thì tại mỗi Nước ký kết sẽ có những khoản lợi tức được phân bổ cho cơ sở thường trú nói trên mà cơ sở đó có thể thu được, nếu đó là một doanh nghiệp riêng và tách biệt cùng tham gia vào các hoạt động như nhau hay tương tự trong cùng những điều kiện như nhau hay tương tự và có quan hệ hoàn toàn độc lập với doanh nghiệp mà cơ sở đó được coi là cơ sở thường trú.

3. Khi xác định lợi tức của một cơ sở thường trú, cơ sở này sẽ được phép khấu trừ các khoản chi phí thực tế phát sinh phục vụ cho hoạt động kinh doanh của cơ sở thường trú đó, bao gồm cả chi phí điều hành và chi phí quản lý chung phát sinh tại Nước nơi cơ sở thường trú đó đóng hoặc ở bất kỳ nơi nào khác. Tuy nhiên, sẽ không cho phép tính vào chi phí được trừ bất kỳ các khoản tiền nào, nếu có, do cơ sở thường trú trả cho (trừ tiền thanh toán các chi phí thực tế) trụ sở chính của doanh nghiệp hay bất kỳ văn phòng nào khác của doanh nghiệp, dưới hình thức tiền bản quyền, các khoản phí hay các khoản thanh toán tương tự khác trả cho việc sử dụng bằng phát minh hay các quyền khác, hay dưới hình thức tiền hoa hồng trả cho việc thực hiện các dịch vụ đặc biệt, hay trả cho việc quản lý, hay dưới hình thức lãi tiền vay đối với các khoản tiền cho cơ sở thường trú đó vay, trừ trường hợp lãi tiền vay của tổ chức ngân hàng. Cũng tương tự, trong khi xác định lợi tức của cơ sở thường trú, sẽ không tính đến các khoản tiền (trừ tiền thanh toán chi phí thực tế) do cơ sở thường trú thu từ trụ sở chính của doanh nghiệp hay bất kỳ văn

phòng khác của doanh nghiệp dưới hình thức tiền bản quyền, các khoản phí hay bất kỳ khoản thanh toán tương tự khác trả cho việc sử dụng bằng phát minh hay các quyền khác, hay dưới hình thức tiền hoa hồng trả cho việc thực hiện các dịch vụ đặc biệt hay trả cho việc quản lý hay dưới hình thức lãi tiền vay đối với các khoản tiền trả cho trụ sở chính của doanh nghiệp hay bất kỳ văn phòng khác của doanh nghiệp vay, trừ trường hợp lãi tiền vay của tổ chức ngân hàng.

4. Trường hợp tại một Nước ký kết vẫn thường xác định các khoản lợi tức được phân bổ cho một cơ sở thường trú trên cơ sở phân chia tổng các khoản lợi tức của doanh nghiệp thành những phần khác nhau, không có nội dung nào tại khoản 2 sẽ ngăn cản Nước ký kết đó xác định lợi tức chịu thuế theo cách phân chia theo thông lệ trên; tuy nhiên, phương pháp phân chia được chấp nhận sẽ có kết quả phù hợp với những nguyên tắc nêu tại Điều này.

5. Không một khoản lợi tức nào sẽ được phân bổ cho một cơ sở thường trú chỉ vì lý do cơ sở thường trú đó mua hàng hóa cho doanh nghiệp.

6. Theo nội dung các khoản trên, các khoản lợi tức được phân bổ cho cơ sở thường trú sẽ được xác định theo cùng một phương pháp giữa các năm trừ khi có đủ lý do chính đáng để xác định theo phương pháp khác.

7. Khi lợi tức bao gồm các khoản thu nhập được đề cập riêng tại các Điều khác của Hiệp định này, thì các quy định của các Điều đó sẽ không bị ảnh hưởng bởi những quy định tại Điều này.

Điều 8

VẬN TẢI BIỂN VÀ HÀNG KHÔNG

1. Lợi tức do một doanh nghiệp của một Nước ký kết thu được từ hoạt động của tàu thủy, hoặc máy bay trong vận tải quốc tế sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

2. Những quy định tại khoản 1 cũng sẽ áp dụng đối với các khoản lợi tức thu được từ việc tham gia vào một tổ hợp, liên doanh hay một hãng hoạt động quốc tế.

Điều 9

DOANH NGHIỆP LIÊN KẾT

1. Khi:

(a) một doanh nghiệp của một Nước ký kết tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào

việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một doanh nghiệp của Nước ký kết kia, hoặc

(b) các đối tượng cùng tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một doanh nghiệp của một Nước ký kết và vào một doanh nghiệp của Nước ký kết kia,

và trong cả hai trường hợp, những điều kiện được đưa ra hoặc áp đặt trong mối quan hệ tài chính và thương mại giữa hai doanh nghiệp trên khác với điều kiện được đưa ra giữa các doanh nghiệp độc lập, lúc đó mọi khoản lợi tức mà một doanh nghiệp có thể thu được nếu không có những điều kiện trên nhưng nay vì những điều kiện này doanh nghiệp đó mà không thu được, sẽ vẫn được một Nước ký kết tính vào các khoản lợi tức của doanh nghiệp đó và bị đánh thuế tương ứng.

2. Khi một Nước ký kết tính vào các khoản lợi tức của một doanh nghiệp tại Nước đó - và đánh thuế tương ứng - các khoản lợi tức mà một doanh nghiệp của Nước kia đã bị đánh thuế tại Nước ký kết kia và Nước kia chấp nhận rằng các khoản lợi tức được tính vào như vậy là những khoản lợi tức lẽ ra thuộc về doanh nghiệp của Nước thứ nhất nếu các điều kiện đặt ra giữa hai doanh nghiệp trên cũng là các điều kiện lập ra giữa các doanh nghiệp độc lập, khi đó, Nước kia sẽ điều chỉnh các khoản thuế đã nộp đối với khoản lợi tức trên cho phù hợp. Khi xác định điều chỉnh trên, sẽ xem xét tới các quy định khác của Hiệp định này và các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ tham khảo ý kiến của nhau nếu cần thiết.

Điều 10

TIỀN LÃI CỔ PHẦN

1. Tiền lãi cổ phần do một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế ở Nước kia.

2. Tuy nhiên, những khoản tiền lãi cổ phần đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú và theo các luật của Nước đó, nhưng nếu đối tượng thực hưởng tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia thì thuế được tính khi đó sẽ không vượt quá:

(a) 7 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần nếu đối tượng thực hưởng là công ty (không kể tổ chức hùn vốn) nắm giữ trực tiếp ít nhất 50 phần trăm vốn của công ty trả tiền lãi cổ phần;

(b) 10 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần nếu đối tượng thực hưởng là công ty

(không kể tổ chức hùn vốn) nắm giữ trực tiếp ít nhất 25 phần trăm những thấp hơn 50 phần trăm vốn của công ty trả tiền lãi cổ phần;

(c) 15 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần trong tất cả các trường hợp khác.

Khoản này sẽ không ảnh hưởng tới việc đánh thuế công ty đối với lợi tức dùng để chia lãi cổ phần

3. Thuật ngữ "tiền lãi cổ phần" được sử dụng trong Điều này có nghĩa là thu nhập từ cổ phần, cổ phần khai thác mỏ, cổ phần sáng lập hoặc các quyền lợi khác không kể các khoản nợ, được hưởng lợi tức, cũng như thu nhập từ các quyền lợi công ty khác cùng chịu sự điều chỉnh của chính sách thuế đối với thu nhập từ cổ phần theo luật của Nước nơi công ty chia lãi cổ phần là đối tượng cư trú.

4. Những quy định tại khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng trong trường hợp đối tượng thực hưởng các khoản tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú tại một Nước ký kết có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia, nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú, thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước đó, hay tiến hành tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước kia, và quyền nắm giữ cổ phần nhờ đó được hưởng tiền lãi cổ phần, có sự liên hệ thực tế đến cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định nói trên. Trong trường hợp như vậy các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5. Khi một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết có lợi tức hay thu nhập phát sinh từ Nước ký kết kia thì Nước kia có thể không đánh thuế đối với những khoản tiền lãi cổ phần do công ty này trả, trừ trường hợp những khoản tiền lãi cổ phần này được trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, hoặc quyền nắm giữ cổ phần có các khoản tiền lãi cổ phần được trả có sự liên hệ thực tế với một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định tại Nước kia, đồng thời Nước kia cũng không buộc các khoản lợi tức không chia của công ty trên phải chịu thuế đối với những khoản lợi tức không chia của công ty, cho dù những khoản tiền lãi cổ phần được chia hoặc các khoản lợi tức không chia bao gồm toàn bộ hay một phần các khoản lợi tức hoặc thu nhập phát sinh tại Nước kia.

Điều 11

LÃI TỪ TIỀN CHO VAY

1. Lãi từ tiền cho vay phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Tuy nhiên, khoản tiền lãi này cũng có thể bị đánh thuế ở Nước ký kết nơi phát sinh lãi và theo các luật của Nước đó, nhưng nếu đối tượng thực hưởng các khoản tiền lãi này là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia thì mức thuế khi đó được tính sẽ không vượt quá 10 phần trăm của tổng số khoản lãi từ tiền cho vay.

3. Mặc dù có những quy định tại khoản 2, lãi từ tiền cho vay phát sinh tại một Nước ký kết và trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước kia nếu người nhận là người thực hưởng lãi từ tiền cho vay và khoản lãi từ tiền cho vay này là:

(a) do Chính phủ của Nước ký kết kia, kể cả các cơ quan chính quyền cơ sở và chính quyền địa phương của Nước đó, thu được;

(b) do Ngân hàng Trung ương của Nước ký kết kia thu được;

(c) do một tổ chức tài chính thuộc sở hữu hay chịu sự kiểm soát của Chính phủ của Nước ký kết kia, kể cả các cơ quan chính quyền cơ sở và chính quyền địa phương của Nước đó, thu được;

(d) trả cho khoản nợ do Chính phủ của Nước đó kể cả cơ quan chính quyền cơ sở và chính quyền địa phương, Ngân hàng Trung ương của Nước đó hay bất kỳ tổ chức tài chính nào do Chính phủ của Nước đó sở hữu hay kiểm soát cho vay, bảo lãnh hoặc bảo đảm.

4. Các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ giải quyết cách thức áp dụng khoản 2 và 3 thông qua thủ tục thỏa thuận song phương.

5. Thuật ngữ “lãi từ tiền cho vay” dùng ở Điều này có nghĩa là thu nhập từ các khoản cho vay dưới bất kỳ dạng nào, có hay không được đảm bảo bằng thế chấp và có hoặc không có quyền được hưởng lợi tức của người đi vay, và đặc biệt là khoản thu nhập từ chứng khoán của chính phủ và thu nhập từ trái phiếu hoặc trái phiếu công ty, bao gồm cả tiền thưởng và giải thưởng đi liền với các chứng khoán, trái phiếu hoặc trái phiếu công ty đó cũng như thu nhập khác tương tự thu nhập từ tiền cho vay theo các luật thuế của Nước nơi thu nhập phát sinh. Tiền phạt thanh toán chậm sẽ không được coi là lãi từ tiền cho vay theo nội dung của Điều này.

6. Những quy định tại khoản 2 và 3 sẽ không được áp dụng nếu người thực hưởng các khoản lãi từ tiền cho vay là đối tượng cư trú tại một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia nơi phát sinh các khoản lãi từ tiền cho vay, thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia hoặc thực hiện tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước kia và khoản nợ có các khoản tiền lãi được trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú

hay cơ sở cố định đó. Trong trường hợp này, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

7. Lãi từ tiền cho vay sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi người trả là đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi đối tượng trả lãi, có tại một Nước ký kết một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định liên quan đến các khoản nợ đã phát sinh các khoản lãi này, và khoản tiền lãi trên do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu thì dù đối tượng có là đối tượng cư trú của một Nước ký kết hay không, khoản tiền lãi này sẽ vẫn được coi là phát sinh tại Nước nơi cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó đóng.

8. Trường hợp do mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả lãi và đối tượng hưởng lãi hoặc giữa cả hai đối tượng trên và các đối tượng khác, khoản lãi từ tiền cho vay, liên quan đến khoản cho vay có số tiền lãi được trả vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng đi vay và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ này, thì khi đó, các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với các khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ đặc biệt trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo các luật của mỗi Nước ký kết có xem xét tới các quy định khác của Hiệp định này.

Điều 12

TIỀN BẢN QUYỀN

1. Tiền bản quyền phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2. Tuy nhiên, những khoản tiền bản quyền đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi các khoản tiền bản quyền đó phát sinh, và theo các luật của Nước đó, nhưng nếu đối tượng thực hưởng tiền bản quyền là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia thì mức thuế được tính khi đó sẽ không vượt quá 10 phần trăm tổng số tiền bản quyền.

3. Thuật ngữ "tiền bản quyền" được sử dụng trong Điều này có nghĩa là các khoản thanh toán ở bất kỳ dạng nào được trả cho việc sử dụng, hoặc quyền sử dụng, bản quyền tác giả của một tác phẩm văn học, nghệ thuật hay khoa học, kể cả phim điện ảnh và các loại phim hay các loại băng dùm trong phát thanh và truyền hình, băng phát minh, nhãn hiệu thương mại, thiết kế hoặc mẫu, đồ án, công thức hoặc quy trình bí mật, hay trả cho việc sử dụng, hay quyền sử dụng thiết bị công nghiệp, thương mại hoặc khoa học, hay trả cho thông tin liên quan đến các kinh nghiệm công nghiệp, thương nghiệp hoặc khoa học.

4. Những quy định tại khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng nếu đối tượng thực hưởng các khoản tiền bản quyền, là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh ở Nước ký kết kia nơi có khoản tiền bản quyền phát sinh, thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước kia hoặc tiến hành tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước kia, và quyền hay tài sản có các khoản tiền bản quyền được trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó. Trong trường hợp này các quy định của Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5. Tiền bản quyền sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi đối tượng trả tiền bản quyền chính là đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi một đối tượng trả tiền bản quyền, là hay không là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có tại một Nước ký kết một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định liên quan đến trách nhiệm trả tiền bản quyền đã phát sinh và tiền bản quyền đó do cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó chịu thì khoản tiền bản quyền này sẽ được coi là phát sinh ở Nước nơi cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó đóng.

6. Trường hợp vì mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng hoặc giữa cả hai đối tượng trên với các đối tượng khác, khoản tiền bản quyền, liên quan đến việc sử dụng, quyền hay thông tin có số tiền bản quyền được trả, vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng trả tiền và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ đặc biệt này, thì các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ trên. Trong trường hợp đó, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo luật của từng Nước ký kết có xem xét tới các quy định khác của Hiệp định này.

Điều 13

LỢI TỨC TỪ CHUYỂN NHƯỢNG TÀI SẢN

1. Lợi tức do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ việc chuyển nhượng bất động sản được nêu tại Điều 6 và bất động sản đó nằm tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Lợi tức từ việc chuyển nhượng động sản là một phần của tài sản kinh doanh của một cơ sở thường trú mà một doanh nghiệp của một Nước ký kết có tại Nước ký kết kia hoặc động sản thuộc một cơ sở cố định của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết có ở Nước ký kết kia để tiến hành hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập kể cả lợi tức từ việc chuyển nhượng cơ sở thường trú đó (riêng cơ sở thường

trú đó hoặc cùng với toàn bộ doanh nghiệp) hoặc cơ sở cố định đó có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

3. Lợi tức thu được từ việc chuyển nhượng các tàu thủy hoặc máy bay hoạt động trong vận tải quốc tế hay từ chuyển nhượng động sản gắn liền với hoạt động của các tàu thủy hoặc máy bay đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi doanh nghiệp đó là đối tượng cư trú.

4. Lợi tức một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ việc chuyển nhượng các cổ phần hay các lợi ích tương ứng phát sinh trực tiếp hoặc gián tiếp trên 50 phần trăm giá trị từ bất động sản nằm tại một Nước ký kết có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

5. Lợi tức thu được từ việc chuyển nhượng một phần vốn từ 25 phần trăm trở lên trong vốn cổ phần của một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, trừ những trường hợp đã nêu tại khoản 4, có thể bị đánh thuế tại Nước đó.

6. Lợi tức thu được từ việc chuyển nhượng bất kỳ tài sản nào khác với tài sản nêu tại khoản 1, 2, 3, 4 và 5 sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi đối tượng chuyển nhượng là đối tượng cư trú.

Điều 14

HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CÁ NHÂN ĐỘC LẬP

1. Thu nhập do một cá nhân là đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ các hoạt động dịch vụ ngành nghề hay các hoạt động khác có tính chất độc lập sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó trừ những trường hợp sau, thu nhập đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia:

(a) Nếu đối tượng đó thường xuyên có tại Nước ký kết kia một cơ sở cố định nhằm mục đích thực hiện các hoạt động của mình; trong những trường hợp đó chỉ phần thu nhập được phân bổ cho cơ sở cố định đó có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia; hay

(b) Nếu đối tượng đó có mặt tại Nước ký kết kia trong một khoảng thời gian hay nhiều khoảng thời gian gộp lại đến hay trên 183 ngày trong năm tài chính có liên quan; trong trường hợp đó chỉ phần thu nhập thu được từ các hoạt động của đối tượng này được thực hiện tại Nước kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Thuật ngữ "dịch vụ ngành nghề" bao gồm chủ yếu những hoạt động độc lập như khoa học, văn học, nghệ thuật, giáo dục hay giảng dạy cũng như các hoạt động độc lập của các thầy thuốc, bác sĩ, luật sư, kỹ sư, kiến trúc sư, nha sĩ và kế toán viên.

Điều 15**HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CÁ NHÂN PHỤ THUỘC**

1. Thẻ theo các quy định tại Điều 16, 18, 19, 20 và 21, các khoản tiền lương, tiền công, và các khoản tiền thù lao tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó, trừ khi công việc của đối tượng đó được thực hiện tại Nước ký kết kia. Nếu công việc làm công được thực hiện như vậy, số tiền công trả cho lao động đó có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Mặc dù có những quy định tại khoản 1, tiền công do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công tại Nước ký kết kia sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước thứ nhất nếu:

(a) người nhận tiền công có mặt tại Nước kia trong một khoảng thời gian hoặc nhiều khoảng thời gian gộp lại không quá 183 ngày trong năm tài chính liên quan, và

(b) chủ lao động hay đối tượng đại diện chủ lao động trả tiền thù lao lao động không phải là đối tượng cư trú tại Nước kia, và

(c) số tiền công không phải phát sinh tại một cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định mà đối tượng chủ lao động có tại Nước kia.

3. Mặc dù có những quy định trên của Điều này, tiền công thu được từ lao động làm trên tàu thủy hoặc máy bay do một doanh nghiệp của một Nước ký kết điều hành trong vận tải quốc tế sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

Điều 16**THÙ LAO CHO GIÁM ĐỐC**

Các khoản thù lao cho giám đốc và các khoản thanh toán tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được với tư cách là thành viên của ban giám đốc của một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế ở Nước kia.

Điều 17**NGHỆ SĨ VÀ VẬN ĐỘNG VIÊN**

1. Mặc dù có những quy định tại Điều 14 và 15, thu nhập của một đối tượng cư

trú của một Nước ký kết thu được với tư cách là người biểu diễn như diễn viên sân khấu, điện ảnh, phát thanh hay truyền hình, hoặc nhạc công, hoặc với tư cách là vận động viên từ những hoạt động cá nhân của mình thực hiện tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế ở Nước kia.

2. Trường hợp thu nhập liên quan đến các hoạt động trình diễn cá nhân của người biểu diễn hoặc vận động viên nhưng không được trả cho bản thân người biểu diễn hoặc vận động viên, mà trả cho một đối tượng khác thì thu nhập này có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi diễn ra những hoạt động trình diễn của người biểu diễn hoặc vận động viên, mặc dù đã có những quy định tại Điều 7, 14 và 15.

3. Mặc dù có những quy định tại khoản 1 và 2, thu nhập do những người biểu diễn hay vận động viên là đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ các hoạt động cá nhân của mình tại Nước ký kết kia trong khuôn khổ chương trình trao đổi văn hóa giữa Chính phủ của hai Nước ký kết sẽ được miễn thuế tại Nước ký kết kia.

Điều 18

TIỀN LƯƠNG HƯU

Thế theo các quy định tại khoản 2 Điều 19, tiền lương hưu và các khoản tiền công tương tự khác cho một đối tượng cư trú của một Nước ký kết do các công việc đã làm trước đây sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước đó.

Điều 19

PHỤC VỤ CHÍNH PHỦ

1. (a) Các khoản tiền lương, tiền công và các khoản thù lao tương tự khác, trừ tiền lương hưu, do một Nước ký kết hoặc một cơ quan chính quyền cơ sở hay chính quyền địa phương của Nước đó trả cho một cá nhân đối với việc phục vụ cho Nước đó hoặc chính quyền cơ sở hay chính quyền địa phương đó sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước đó.

(b) Tuy nhiên, khoản tiền lương, tiền công và các khoản thù lao tương tự khác sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước ký kết kia nếu việc phục vụ này được thực hiện tại Nước kia và cá nhân này là đối tượng cư trú của Nước kia, đồng thời:

(i) là đối tượng mang quốc tịch của Nước kia; hoặc

(ii) không trở thành đối tượng cư trú của Nước kia chỉ đơn thuần vì thực hiện những công việc trên.

2. (a) Bất kỳ khoản tiền lương hưu nào do một Nước ký kết, một cơ quan chính quyền cơ sở hoặc một cơ quan chính quyền địa phương của Nước đó hoặc do các quỹ của những cơ quan này lập ra trả cho một cá nhân đối với các công việc phục vụ cho Nhà nước hoặc các cơ quan chính quyền cơ sở hay chính quyền địa phương tại Nước đó sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước đó.

(b) Tuy nhiên, những khoản tiền lương hưu này sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước ký kết kia nếu cá nhân này là đối tượng cư trú và là đối tượng mang quốc tịch của Nước kia.

3. Các quy định của Điều 15, 16, 17 và 18 sẽ áp dụng đối với tiền lương, tiền công và các khoản tiền thù lao tương tự khác và lương hưu được trả đối với việc phục vụ liên quan đến một hoạt động kinh doanh được tiến hành bởi một Nước ký kết hoặc cơ quan chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương của Nước đó.

Điều 20

SINH VIÊN VÀ THỰC TẬP SINH

1. Những khoản tiền mà một sinh viên hay thực tập sinh nhận được để trang trải các chi phí sinh hoạt, học tập hay đào tạo mà người sinh viên hay thực tập sinh này ngay trước khi đến một Nước ký kết đang và đã là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia và hiện có mặt tại Nước thứ nhất chỉ với mục đích học tập hay đào tạo, sẽ không bị đánh thuế tại Nước đó, với điều kiện những khoản tiền đó có nguồn gốc từ bên ngoài Nước này.

2. Mặc dù có những quy định tại Điều 14 và 15, các khoản tiền thù lao trả cho các dịch vụ do sinh viên và thực tập sinh thực hiện tại một Nước ký kết sẽ không chịu thuế tại Nước đó đối với khoản tiền ban đầu có giá trị 15.000 euro hoặc số tương đương bằng đồng Việt Nam cho mỗi năm tài chính, với điều kiện các dịch vụ này liên quan tới việc học tập hay đào tạo của sinh viên và thực tập sinh đó.

Điều 21

GIÁO VIÊN, GIÁO SƯ VÀ NHÀ NGHIÊN CỨU

1. Một cá nhân, đối tượng hiện là hay ngay trước khi sang một Nước ký kết đã là đối tượng cư trú của một Nước ký kết và có mặt tại Nước ký kết thứ nhất với mục đích giảng dạy hoặc tiến hành nghiên cứu tại một trường đại học, cao đẳng, trường học hay cơ sở giáo dục hay viện nghiên cứu khoa học mang tính chất công tại

Nước ký kết thứ nhất sẽ được miễn thuế tại Nước ký kết thứ nhất đó đối với khoản tiền thù lao ban đầu có giá trị 30.000 euro hay số tương đương bằng đồng Việt Nam cho việc giảng dạy, hay nghiên cứu nêu trên cho mỗi năm tài chính, trong giai đoạn hai năm kể từ ngày cá nhân đó lần đầu tiên sang Nước ký kết thứ nhất.

2. Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với thu nhập từ hoạt động nghiên cứu nếu việc nghiên cứu đó do cá nhân thực hiện nhằm phục vụ lợi ích công cộng và chủ yếu được thực hiện không vì lợi ích của một số cá nhân hay tổ chức tư nhân nào khác.

Điều 22

THU NHẬP KHÁC

1. Những khoản thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết, cho dù phát sinh ở đâu, chưa được đề cập đến tại những Điều trên của Hiệp định này sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

2. Những quy định tại khoản 1 sẽ không áp dụng đối với thu nhập, trừ thu nhập từ bất động sản được định nghĩa tại khoản 2 Điều 6, nếu đối tượng nhận thu nhập là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước kia hay thực hiện tại Nước kia những hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước kia, và quyền hay tài sản liên quan đến số thu nhập được chi trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó. Trong trường hợp như vậy những quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

Điều 23

CÁC BIỆN PHÁP XÓA BỎ VIỆC ĐÁNH THUẾ HAI LẦN

1. Tại Việt Nam, việc đánh thuế hai lần sẽ được xóa bỏ như sau:

(a) Trường hợp một đối tượng cư trú của Việt Nam nhận được thu nhập, lợi tức hay lợi tức từ chuyển nhượng tài sản mà theo luật của Tây Ban Nha và phù hợp với Hiệp định này có thể bị đánh thuế tại Tây Ban Nha, khi đó, Việt Nam sẽ cho phép hưởng một khoản khấu trừ thuế đối với thu nhập, lợi tức hay lợi tức từ chuyển nhượng tài sản tương đương với số thuế đã nộp tại Tây Ban Nha. Tuy nhiên, số thuế khấu trừ sẽ không vượt quá số thuế Việt Nam đối với thu nhập, lợi tức hay lợi tức từ chuyển nhượng tài sản được tính phù hợp với các luật thuế và các quy định về thuế của Việt Nam.

(b) Trường hợp căn cứ theo các quy định của Hiệp định thu nhập mà một đối tượng cư trú của Việt Nam nhận được được miễn thuế tại Việt Nam, khi đó trong quá trình xác định số thuế phải nộp đối với thu nhập còn lại của đối tượng cư trú đó, Việt Nam có thể xem xét đến khoản thu nhập được miễn thuế đó.

2. Tại Tây Ban Nha, phù hợp với các quy định và trong phạm vi các luật của Tây Ban Nha, việc đánh thuế hai lần sẽ được xóa bỏ như sau:

(a) Khi một đối tượng cư trú của Tây Ban Nha nhận được thu nhập, phù hợp với các quy định của Hiệp định này, có thể bị đánh thuế tại Việt Nam thì Tây Ban Nha sẽ cho phép:

(i) được khấu trừ thuế đối với thu nhập của đối tượng cư trú đó tương đương với số thuế thu nhập đã nộp tại Việt Nam;

(ii) được khấu trừ thuế thu nhập công ty liên quan đến số thu nhập dùng để chia lãi cổ phần phù hợp với nội luật của Tây Ban Nha.

Tuy nhiên, khoản khấu trừ đó sẽ không vượt quá phần thuế thu nhập đã được tính trước khi thực hiện việc khấu trừ và được phân bổ, tùy từng trường hợp, cho thu nhập có thể chịu thuế tại Việt Nam.

(b) Phù hợp với các quy định của Hiệp định này, trường hợp thu nhập của một đối tượng cư trú của Tây Ban Nha được miễn thuế tại Tây Ban Nha, khi tính thuế đối với thu nhập còn lại của đối tượng cư trú đó, Tây Ban Nha có thể xem xét đến khoản thu nhập đã được miễn thuế.

(c) Theo nội dung tại điểm 2(a) Điều này, thuế thu nhập do một đối tượng cư trú Tây Ban Nha đã nộp tại Việt Nam đối với lợi tức kinh doanh thu được thông qua một cơ sở thường trú đặt tại Việt Nam sẽ được coi là bao gồm mọi khoản thuế lẽ ra phải nộp như là thuế Việt Nam trong bất kỳ năm nào nếu không được hưởng miễn hay giảm thuế cho năm đó hay bất kỳ khoản miễn hoặc giảm thuế nào do áp dụng các quy định của Luật Việt Nam nhằm mở rộng giới hạn thời gian được hưởng ưu đãi thuế để khuyến khích đầu tư nước ngoài cho mục đích phát triển. Các quy định tại điểm này sẽ được áp dụng trong khoảng thời gian 10 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực. Các nhà chức trách có thẩm quyền sẽ tham khảo ý kiến của nhau để xác định khoảng thời gian này sẽ được gia hạn hay không.

(d) Theo nội dung tại điểm 2(a) Điều này, số thuế đã nộp tại Việt Nam đối với tiền lãi cổ phần áp dụng theo khoản 2 Điều 10, lãi từ tiền cho vay theo khoản 2 Điều 11 và tiền bản quyền theo khoản 2 Điều 12, sẽ được coi là các mức thuế suất được thiết lập liên quan tới Điều 10 của Hiệp định này đối với tổng số tiền lãi cổ

phần, 10 phần trăm tổng số lãi từ tiền cho vay và 10 phần trăm tổng số tiền bản quyền đã nêu trên. Các quy định tại điểm này sẽ áp dụng trong khoảng thời gian 10 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực và sẽ không có hiệu lực đối với các khoản thu nhập từ đầu tư gián tiếp, như được quy định tại Luật thuế công ty của Tây Ban Nha. Các nhà chức trách có thẩm quyền sẽ tham khảo ý kiến của nhau để xác định khoảng thời gian này sẽ được gia hạn hay không.

Điều 24

KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ

1. Những đối tượng mang quốc tịch của một Nước ký kết sẽ không phải chịu bất kỳ hình thức thuế nào hay bất kỳ yêu cầu nào có liên quan tại Nước ký kết kia, khác với hay nặng hơn so với hình thức thuế và các yêu cầu có liên quan hiện mà các đối tượng mang quốc tịch của Nước kia trong cùng những hoàn cảnh như nhau hiện đang hoặc có thể phải chịu thuế.

2. Hình thức thuế áp dụng đối với một cơ sở thường trú mà một doanh nghiệp của một Nước ký kết đặt tại Nước ký kết kia sẽ không kém thuận lợi hơn thuế áp dụng đối với các doanh nghiệp của Nước kia khi thực hiện các hoạt động như nhau.

3. Trừ trường hợp áp dụng các quy định của khoản 1 Điều 9, khoản 8 Điều 11, hay khoản 6 Điều 12, lãi từ tiền cho vay, tiền bản quyền và các khoản thanh toán khác đã trả, khi xác định các khoản lợi tức chịu thuế của doanh nghiệp đó, sẽ được trừ vào chi phí theo cùng những điều kiện như các khoản tiền đó được trả cho một đối tượng cư trú của Nước thứ nhất.

4. Các doanh nghiệp của một Nước ký kết có toàn bộ hay một phần vốn do một hay nhiều đối tượng cư trú của Nước ký kết kia sở hữu hay kiểm soát trực tiếp hay gián tiếp, sẽ không phải chịu tại Nước ký kết thứ nhất bất kỳ hình thức thuế hay yêu cầu liên quan khác với hay nặng hơn so với hình thức thuế và các yêu cầu liên quan mà các doanh nghiệp tương tự khác của Nước thứ nhất hiện đang hoặc có thể phải chịu thuế.

5. Không nội dung nào tại Điều này sẽ được giải thích là buộc một Nước ký kết cho phép các đối tượng cư trú của Nước ký kết kia hưởng các khoản trợ cấp cá nhân, miễn và giảm dưới giác độ thuế mà Nước đó cho các đối tượng cư trú của mình hưởng vì tư cách công dân hay các trách nhiệm đối với gia đình.

6. Mặc dù có những quy định tại Điều này, cho tới khi Việt Nam tiếp tục cấp giấy phép cho các nhà đầu tư theo Luật Đầu tư Nước ngoài tại Việt Nam, trong đó

quy định hình thức thuế mà nhà đầu tư sẽ phải chịu, khi đó, việc áp dụng hình thức thuế đó sẽ không được coi là vi phạm các điều khoản tại khoản 2 và 4 của Điều này.

7. Những quy định tại Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với các loại thuế thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định này.

Điều 25

THỦ TỤC THỎA THUẬN SONG PHƯƠNG

1. Trường hợp một đối tượng là đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận thấy rằng việc giải quyết của nhà chức trách có thẩm quyền của một hay cả hai Nước ký kết làm cho hay sẽ làm cho đối tượng đó phải nộp thuế không phù hợp với những quy định của Hiệp định này, đối tượng này có thể giải trình trường hợp của mình với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết mà đối tượng đó là đối tượng cư trú, mặc dù trong nội luật của hai Nước đã quy định những chế độ xử lý khiếu nại. Trường hợp đó phải được giải trình trong thời hạn 3 năm kể từ lần thông báo giải quyết đầu tiên dẫn đến hình thức thuế áp dụng không đúng với những quy định của Hiệp định.

2. Nhà chức trách có thẩm quyền sẽ cố gắng, nếu như việc khiếu nại là hợp lý và nếu bản thân nhà chức trách đó không thể đi đến một giải pháp thỏa đáng, phù hợp với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết kia để cùng giải quyết trường hợp khiếu nại bằng thỏa thuận chung, nhằm mục đích tránh đánh thuế không phù hợp với nội dung của Hiệp định này. Mọi thỏa thuận đạt được sẽ được thực hiện mặc dù có những giới hạn thời gian trong nội luật của hai Nước ký kết.

3. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ cố gắng giải quyết mọi khó khăn hay vướng mắc nảy sinh trong quá trình áp dụng Hiệp định này. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước cũng có thể cùng trao đổi nhằm xóa bỏ việc đánh thuế hai lần trong các trường hợp không được quy định tại Hiệp định này.

4. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết có thể liên hệ trực tiếp với nhau nhằm mục đích đạt được một thỏa thuận theo nội dung những khoản trên đây.

Điều 26

TRAO ĐỔI THÔNG TIN

1. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ trao đổi những thông

tin cần thiết để thực hiện những quy định của Hiệp định này hay của nội luật từng Nước ký kết liên quan đến các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng sao cho việc đánh thuế theo nội luật sẽ không trái với Hiệp định này. Mọi thông tin do một Nước ký kết nhận được sẽ được giữ bí mật giống như thông tin thu nhận theo nội luật của Nước này và thông tin đó sẽ chỉ được cung cấp cho các đối tượng hay các cơ quan chức trách (bao gồm tòa án và các cơ quan hành chính) có liên quan đến việc tính toán hay thu thuế, cưỡng chế hay truy tố hoặc xác định các khiếu nại về các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng. Các đối tượng hoặc các cơ quan chức trách này sẽ chỉ sử dụng các thông tin đó vào các mục đích nêu trên. Các đối tượng và các cơ quan đó có thể cung cấp các thông tin này trong quá trình tố tụng công khai của tòa án hay trong các quyết định của tòa án.

2. Không có trường hợp nào những quy định tại khoản 1 được giải thích là buộc một Nước ký kết có nghĩa vụ:

(a) thực hiện các biện pháp hành chính khác với luật pháp hay thông lệ về quản lý hành chính của Nước ký kết đó hay của Nước ký kết kia;

(b) cung cấp những thông tin không thể tiết lộ được theo các luật hay trong khuôn khổ quản lý hành chính thông thường của Nước ký kết đó hay của Nước ký kết kia;

(c) cung cấp những thông tin có thể làm tiết lộ bí mật về thương mại, kinh doanh, công nghiệp, thương nghiệp hay bí mật nghề nghiệp hoặc các phương thức kinh doanh, hoặc cung cấp những thông tin mà việc tiết lộ chúng có thể trái với chính sách nhà nước.

Điều 27

CÁC VIÊN CHỨC NGOẠI GIAO VÀ LÃNH SỰ

Không nội dung nào trong Hiệp định này ảnh hưởng đến những ưu đãi về thuế của các viên chức ngoại giao và lãnh sự theo những nguyên tắc chung của luật pháp quốc tế hay những quy định trong các hiệp định đặc biệt.

Điều 28

HIỆU LỰC

1. Chính phủ của hai Nước ký kết sẽ thông báo cho nhau các thủ tục nội bộ cần thiết của từng Nước ký kết để Hiệp định này có hiệu lực. Hiệp định này sẽ có hiệu lực kể từ ngày thông báo sau cùng.

2. Hiệp định này sẽ được áp dụng:

(a) đối với các khoản thuế khấu trừ tại nguồn, liên quan đến khoản chịu thuế được chi trả vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 của năm dương lịch tiếp sau năm Hiệp định có hiệu lực và trong các năm dương lịch tiếp theo;

(b) đối với các loại thuế khác, liên quan đến thu nhập, lợi tức hay lợi tức từ chuyển nhượng tài sản phát sinh trong năm dương lịch tiếp sau năm Hiệp định có hiệu lực và trong các năm dương lịch tiếp theo.

Điều 29

KẾT THÚC HIỆP ĐỊNH

Hiệp định này sẽ vẫn còn hiệu lực cho tới khi một Nước ký kết tuyên bố chấm dứt hiệu lực. Từng Nước ký kết thông qua đường ngoại giao có thể chấm dứt hiệu lực Hiệp định bằng cách gửi cho Nước ký kết kia thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt hiệu lực Hiệp định ít nhất sáu tháng trước khi kết thúc bất kỳ năm dương lịch bắt đầu từ sau thời hạn năm năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực. Trong trường hợp này, Hiệp định sẽ hết hiệu lực thi hành:

(a) đối với các loại thuế khấu trừ tại nguồn, liên quan đến các khoản chịu thuế được chi trả vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 của năm dương lịch tiếp sau năm dương lịch gửi thông báo kết thúc hiệu lực Hiệp định và trong các năm dương lịch tiếp theo;

(b) đối với các loại thuế khác, liên quan đến thu nhập, lợi tức hay lợi tức từ chuyển nhượng tài sản phát sinh trong năm dương lịch tiếp sau năm dương lịch gửi thông báo kết thúc hiệu lực Hiệp định và trong các năm dương lịch tiếp theo.

ĐỂ LÀM BẰNG những người được ủy quyền của từng Chính phủ dưới đây đã ký vào Hiệp định này.

Hiệp định làm thành hai bản tại Hà Nội ngày 07 tháng 3 năm hai ngàn không trăm linh năm mỗi bản gồm các ngôn ngữ tiếng Việt, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Anh, tất cả các văn bản đều có giá trị như nhau. Trường hợp có sự giải thích khác nhau, văn bản tiếng Anh sẽ có giá trị quyết định./.

TM. CHÍNH PHỦ
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

Lê Thị Băng Tâm
Thứ trưởng Bộ Tài chính Việt Nam

TM. CHÍNH PHỦ VƯƠNG QUỐC
TÂY BAN NHA

Pedro Mejía Gómez
Quốc vụ khanh Thương mại
và Du lịch

NGHỊ ĐỊNH THU

Tại thời điểm ký kết Hiệp định giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Tây Ban Nha về việc tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập, những người được ủy quyền dưới đây đã thỏa thuận những quy định sau sẽ là phần không thể tách rời của Hiệp định.

I. Liên quan đến Điều 5 khoản 3

Thuật ngữ “cùng một dự án” đề cập đến một dự án có thể bao gồm nhiều phần khác nhau, trong trường hợp như vậy, mỗi phần phải có mối liên kết với nhau về nghĩa thương mại và địa lý.

II. Liên quan đến Điều 5 khoản 6

Câu thứ hai tại khoản 6 Điều 5 sẽ được giải thích như sau:

Một nhân tố cần xem xét khi xác định tư cách độc lập là số lượng các doanh nghiệp do một đại lý làm đại diện. Tư cách độc lập sẽ ít có khả năng nếu các hoạt động của đại lý được thực hiện toàn bộ hay hầu như toàn bộ thay mặt cho chỉ một doanh nghiệp trong suốt thời gian kinh doanh hay trong một khoảng thời gian dài. Tuy nhiên, thực tế này chưa đủ để xác định là yếu tố quyết định. Cần phải xem xét toàn bộ sự kiện thực tế cũng như hoàn cảnh để xác định liệu các hoạt động của đại lý có tạo thành việc kinh doanh tự chủ do chính đại lý tiến hành, trong đó những hoạt động này là do đại lý chịu rủi ro và được hưởng lợi nhuận thông qua việc sử dụng những kỹ năng và kiến thức kinh doanh của mình. Trường hợp một đại lý đại diện cho nhiều doanh nghiệp trong khuôn khổ hoạt động kinh doanh thông thường của mình và không doanh nghiệp nào chiếm ưu thế đối với hoạt động kinh doanh do đại lý thực hiện, khi đó sẽ coi là có sự phụ thuộc pháp lý nếu các doanh nghiệp phối hợp cùng kiểm soát các hoạt động của đại lý trong khuôn khổ hoạt động kinh doanh của đại lý thay mặt cho các doanh nghiệp này.

III. Liên quan đến Điều 5

Ngay khi khung pháp lý về tài chính của hai Nước ký kết cho phép các công ty bảo hiểm đặt tại một Nước ký kết được cung cấp các dịch vụ tại Nước ký kết kia thông qua một đối tượng, không phải là đại lý độc lập, trên cơ sở có đi có lại, các

nhà chức trách có thẩm quyền có thể, thông qua thư trao đổi, thiết lập tư cách cư trú của các công ty trên để thống nhất việc bổ sung một khoản mới vào Điều 5 Hiệp định.

IV. Liên quan đến Điều 5 và Khoản 1 Điều 7

a) Tại Nước ký kết nơi cơ sở thường trú đóng, không khoản lợi nhuận nào sẽ được phân bổ cho địa điểm xây dựng hay công trường xây dựng hay dự án lắp đặt trừ những khoản lợi tức là kết quả của chính những hoạt động nêu trên. Lợi tức thu được từ việc cung cấp máy móc hay thiết bị liên quan đến các hoạt động này và chịu ảnh hưởng của cơ sở thường trú chính hay bất kỳ cơ sở thường trú nào khác của doanh nghiệp hay chịu ảnh hưởng của bên thứ ba sẽ không được phân bổ cho địa điểm xây dựng hoặc công trình xây dựng hay dự án lắp đặt.

b) Trường hợp không có dữ liệu kế toán hay dữ liệu khác phù hợp để xác định lợi tức phân bổ cho cơ sở thường trú, khi đó thuế được tính tại Nước ký kết nơi cơ sở thường trú đóng có thể được tính phù hợp với các luật của Nước đó, đặc biệt có xem xét tới các khoản lợi tức thông thường của các doanh nghiệp tương tự cũng tham gia trong các điều kiện như nhau hay tương tự, với điều kiện dựa trên thông tin sẵn có, việc xác định lợi tức của cơ sở thường trú phải phù hợp với các nguyên tắc được nêu tại Điều này.

c) Các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ trao đổi thư theo Điều 25 Hiệp định này để làm rõ việc áp dụng các lợi ích của Hiệp định tại từng Nước ký kết.

V. Liên quan đến Điều 10 khoản 2

Liên quan đến khoản 2 Điều 10, nếu đối tượng thực hưởng tiền lãi cổ phần là công ty được nêu tại các Điều 129-132 Luật thuế công ty Tây Ban Nha, Luật 43/1995 ngày 27/12, “Công ty nắm giữ cổ phần tại nước ngoài” (Entidades de Tenencia de Valores Extranjeros), khi đó công ty này sẽ được hưởng lợi ích từ Hiệp định. Số thuế phải nộp sẽ không vượt quá 5 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần, nếu công ty này nắm giữ trực tiếp ít nhất 50 phần trăm vốn của công ty trả tiền lãi cổ phần.

VI. Liên quan đến Điều 10, 11 và 12

Đối với Điều 10, 11 và 12, nếu sau khi Hiệp định này có hiệu lực, Việt Nam đã ký Thỏa thuận hay Hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Nước thứ ba là thành viên

của Liên minh Châu Âu, và Thỏa thuận hay Hiệp định này bao gồm thuế suất thuế khấu trừ tại nguồn thấp hơn (kể cả thuế suất 0 phần trăm) so với mức thuế suất được quy định tại Hiệp định này, khi đó, những mức thuế suất trên sẽ tự động thay thế các mức thuế suất của Hiệp định này, kể từ ngày Điều ước hay Hiệp định giữa Việt Nam và Nước thứ ba có hiệu lực.

VII. Liên quan đến Điều 12 khoản 3

Đối với khoản 3 Điều 12, các khoản thanh toán đối với các dịch vụ kỹ thuật, khoa học hay địa chất như các khoản thanh toán cho việc phân tích hay nghiên cứu đặc biệt mang tính chất khoa học, địa chất hay kỹ thuật, thanh toán đối với các dịch vụ cơ khí đặc biệt, hay đối với các dịch vụ tư vấn hoặc tham vấn sẽ không được coi là tiền thù lao cho các thông tin liên quan đến kinh nghiệm công nghiệp, thương mại hay khoa học. Trong những trường hợp này, các quy định tại Điều 7 hay 14, tùy từng trường hợp, sẽ áp dụng.

VIII. Liên quan đến Điều 10, 11, 12 và 13

a) Mặc dù có các quy định tại Hiệp định này, một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết do các đối tượng không phải là đối tượng cư trú của Nước đó nắm giữ trực tiếp hay gián tiếp trên 50 phần trăm vốn cổ phần, sẽ không được hưởng giảm thuế theo Hiệp định đối với tiền lãi cổ phần, lãi từ tiền cho vay, tiền bản quyền và lợi nhuận từ chuyển nhượng tài sản phát sinh tại Nước ký kết kia. Quy định này sẽ không áp dụng khi Công ty này tham gia vào các hoạt động kinh doanh trọng yếu, ngoài việc chỉ đơn thuần nắm giữ cổ phiếu hay tài sản, tại Nước ký kết nơi Công ty là đối tượng cư trú.

b) Một công ty mà theo quy định ở trên sẽ không được hưởng lợi ích từ Hiệp định đối với các khoản thu nhập đã nêu, có thể vẫn được hưởng những lợi ích đó nếu các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết đồng ý thông qua Điều 25 Hiệp định rằng việc thành lập công ty và việc điều hành kinh doanh của công ty đó được dựa trên các lý do kinh doanh hợp lý và hoạt động như vậy không phải chỉ nhằm vào mục đích cơ bản là thu được lợi ích từ Hiệp định.

c) Hai bên thống nhất là các công ty nêu tại các Điều 129-132 Luật thuế công ty Tây Ban Nha, Luật 43/1995 ngày 27/12 “Công ty nắm giữ cổ phần tại nước ngoài” (Entidades de Tenencia de Valores Extranjeros), sẽ được hiểu là không bị ảnh hưởng bởi những giới hạn được nêu tại điểm a) và b) phần VIII Nghị định thư này.

ĐỂ LÀM BẰNG những người được ủy quyền của từng Chính phủ dưới đây đã ký vào Nghị định thư này.

Nghị định thư làm thành hai bản tại Hà Nội ngày 07 tháng 3 năm hai ngàn không trăm linh năm mỗi bản gồm các ngôn ngữ tiếng Việt, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Anh, tất cả các văn bản đều có giá trị như nhau. Trường hợp có sự giải thích khác nhau, văn bản tiếng Anh sẽ có giá trị quyết định./.

**TM. CHÍNH PHỦ
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM**

**Lê Thị Băng Tâm
Thư trưởng Bộ Tài chính Việt Nam**

**TM. CHÍNH PHỦ VƯƠNG QUỐC
TÂY BAN NHA**

**Pedro Mejía Gómez
Quốc vụ khanh Thương mại
và Du lịch**

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Điện thoại: 04.8233947; 04.8231182

Fax: 08044517

Email: congbaovpcp@cpt.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng